

HOSE 24/03/2014

VNINDEX 607.54 5.79 0.96%

KLGD 194,824,345 CP
GTGD 3,273.18 Tỷ
GTR NDTNN - 136.70 Tỷ

CP Tăng giá 219 CP
CP Giảm giá 52 CP
CP Đứng giá 33 CP



HNX 24/3/2014

HNXINDEX 92.99 2.62 2.90%

KLGD 115,646,559 CP
GTGD 1,419.27 Tỷ
GTR NDTNN - 34.43 Tỷ

CP Tăng giá 252 CP
CP Giảm giá 50 CP
CP Đứng giá 77 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 689.32 9.34 1.37%
HNX30 191.61 6.36 3.43%

Tâm điểm

- ▶ **Lực cầu duy trì giúp 2 sàn chính phục đỉnh cao mới**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm nhưng vẫn duy trì ở mức khá cao**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 4,700 tỷ đồng.
- ▶ **Tổng cục Thống kê: GDP quý 1/2014 tăng 4.96%**
Đây là mức tăng GDP cao nhất trong 3 năm trở lại đây
Vneconomy
- ▶ **CPI tháng 3 giảm 0.44%**
Đây là mức CPI thấp nhất của tháng 3 trong vòng 11 năm qua.
VOV
- ▶ **Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 52.94 tỷ USD tính đến 15/3**
Tính đến 15/3, cán cân thương mại của cả nước vẫn thặng dư hơn 1 tỷ USD
VOV Online
- ▶ **NSC: Chào bán cho cổ đông hiện hữu giá 65,000 đồng/c**
Tổng nguồn vốn dự kiến huy động là 328 tỷ đồng
Người Đồng Hành
- ▶ **DHG: Trình kế hoạch phát hành gần 22 triệu cp, tăng cổ tức lên 30%**
Năm 2014, DHG đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 686 tỷ đồng
Công Lý

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,061,070	14.4	3.2	22.5%	11.1%
HNX	141,524	22.3	1.7	8.0%	3.7%
Toàn bộ thị trường	1,202,594	15.5	3.1	21.3%	10.4%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,995	7.0	1.0	15.8%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,827	8.0	1.8	24.3%	18.0%
Thép và sản phẩm thép	34,928	18.0	2.0	17.6%	7.1%
Khai khoáng	12,846	47.1	4.8	3.8%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,131	21.7	1.6	14.9%	8.9%
Xây dựng	35,681	49.3	1.4	-0.5%	1.1%
Máy công nghiệp	9,730	9.5	1.5	21.5%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,041	13.3	1.6	17.2%	12.4%
Lốp xe	7,191	8.9	2.5	30.1%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,936	13.6	1.2	11.4%	5.5%
Thực phẩm	219,301	24.5	5.7	24.2%	18.1%
Dược phẩm	16,756	13.5	3.5	26.6%	17.2%
Phần mềm	20,008	12.3	2.7	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,285	7.7	1.3	18.7%	9.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	165,033	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	32,322	29.5	2.7	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	28,389	26.5	1.6	7.0%	5.1%
Ngân hàng	273,002	12.2	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	158,601	16.3	3.1	28.4%	6.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,576	9.7	1.9	21.3%	8.1%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Ba Trưng
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tổng cục Thống kê: GDP quý 1/2014 tăng 4.96%

CPI tháng 3 giảm 0.44%

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 52.94 tỷ USD tính đến 15/3

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

PXM: Đạt mục tiêu không lỗ trong năm 2014

NSC: Chào bán cho cổ đông hiện hữu giá 65,000 đồng/c

DHG: Trình kế hoạch phát hành gần 22 triệu cp, tăng cổ tức lên 30%

► Tin kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP quý 1/2014 tăng 4.96%, trong đó, khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.37%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4.69%, khu vực dịch vụ tăng 5.95%. Xét trong 5 năm trở lại đây, tuy tốc độ tăng GDP của quý 1/2014 có thấp hơn quý 1 của các năm 2010 (tăng 5.97%) và 2011 (tăng 5.9%) nhưng 3 năm trở lại đây xu hướng tăng dần đã được hình thành từ mức tăng 4.75% của 2012 và 4.76% của 2013.

Tổng cục Thống kê vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2014 giảm 0.44% so với tháng trước, mức thấp nhất của tháng 3 trong vòng 11 năm qua. So với tháng 3 năm trước, CPI tháng 3/2014 cũng chỉ tăng 4.39%, mức thấp kỷ lục trong vòng 5 năm trở lại đây. Như vậy, sau 1 quý, CPI so với tháng 12/2013, lạm phát mới chỉ 0.8%, thấp nhất trong vòng 13 năm qua. Việc CPI tháng 3 giảm so tháng trước có thể hiểu được theo quy luật hàng hóa và dịch vụ thường giảm giá sau Tết nguyên đán.

Tổng Cục Hải quan Việt Nam vừa công bố kết quả xuất nhập khẩu nửa đầu tháng 3/2014. Theo đó, tổng giá trị xuất nhập khẩu nửa đầu tháng 3 đạt 11.66 tỷ USD, tăng 4.4% so với nửa cuối tháng 2/2014. Trong đó, xuất khẩu đạt 5.69 tỷ USD, giảm 3.9%; nhập khẩu đạt 5.96 tỷ USD, tăng 13.7% so với nửa cuối tháng 2/2014. Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/3/2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 52.94 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt gần 26.98 tỷ USD, nhập khẩu đạt hơn 25.96 tỷ USD. Như vậy, thặng dư thương mại cả nước hơn 1 tỷ USD tính đến 15/3.

► Tin doanh nghiệp

HĐQT của CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (HOSE: PXM) vừa thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2014 với doanh thu 116 tỷ đồng, nhưng không có lợi nhuận. Kế hoạch này sẽ được trình ĐHCĐ vào ngày 25/4 tới. Trong năm 2014, PXM phấn đấu cân bằng thu chi để không lỗ, bởi nếu năm nay tiếp tục lỗ, PXM sẽ buộc phải rời sàn. Cổ phiếu PXM đang nằm trong diện bị kiểm soát, do năm 2012 và 2013 lỗ lần lượt 110 tỷ đồng và 152.23 tỷ đồng. Ngoài ra, HĐQT thông qua chủ trương hợp tác khai thác, sản xuất - kinh doanh mỏ đá Phước Hòa với các đối tác

CTCP Giống cây trồng Trung Ương (HOSE: NSC) công bố sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu 5,014,919 cổ phiếu và chào bán cho CBCNV số lượng 260,470 cổ phiếu (trong đó phát hành thêm cổ phiếu cho CBCNV 250,243 cổ phiếu và bán cổ phiếu quỹ đã mua 10,227 cổ phiếu). Giá chào bán dự kiến cho cổ đông hiện hữu là 65,000 đồng/cổ phiếu và giá chào bán cho CBCNV là 10,000 đồng/cổ phiếu. Tổng nguồn vốn dự kiến huy động từ cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là khoảng 328 tỷ đồng. NSC sẽ đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu cùng ngành và đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận tải.

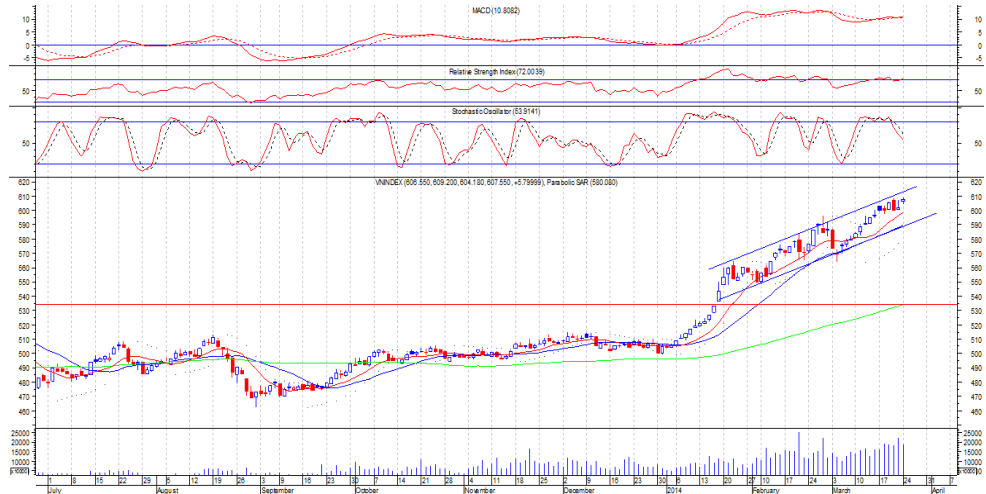
Ngày 28/04 tới, ĐHCĐ thường niên của CTCP Dược Hậu Giang (HOSE: DHG) sẽ bàn về phương án phát hành 21,788,766 cp từ quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn theo tỷ lệ 3:1. Với kết quả đạt được trong năm 2013 lợi nhuận sau thuế 589 tỷ đồng, HĐQT đề xuất tăng mức cổ tức từ 25% lên 30%, tương ứng số tiền 228.78 tỷ đồng. Đồng thời, DHG dự kiến kế hoạch 2014-2018 với lợi nhuận trước thuế 2014 và 2015 đều tăng trưởng ở mức 6%, còn lại đều từ 14% đến 19%. Cụ thể, năm 2014 chỉ tiêu tổng doanh thu 3,880 tỷ đồng, tăng 10% so năm 2013; lợi nhuận trước thuế 686 tỷ đồng.

HOSE 24/03/2014 VNINDEX 607.54 5.79 0.96% 194,824,345 CP 3,273.18 bil VND

Lực cầu duy trì tốt giúp 2 sản phẩm chinh phục đỉnh cao mới

VN-Index tăng 5.08 điểm (+0.96%), đóng cửa tại mức 607.55 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, đà tăng vẫn tiếp tục được duy trì. Đáng chú ý đây là mốc điểm cao nhất trong năm 2014.

- Tín hiệu MACD Histogram dừng đà giảm và có xu hướng tăng trở lại.
- Stochastic Oscillator sau khi đi ra khỏi vùng quá mua, tiếp tục lao dốc khá mạnh.
- RSI tăng nhẹ lên mốc 72.
- ADX vẫn duy trì ở ngưỡng trên 40, DI+, DI- vẫn đang nói rộng cho thấy xu hướng thị trường vẫn đang khá tích cực.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.4 (4.2%)	13,926,610
HQC	0.6 (6.4%)	9,459,270
FLC	1 (6.8%)	7,412,120
OGC	0.9 (6.6%)	5,494,320
MBB	0.4 (2.4%)	5,382,190

HOSE Top 5 theo % tăng

ANV	0.7 (7.0%)	210,180
RIC	0.6 (7.0%)	10,980
KTB	0.5 (6.9%)	550,660
VSI	0.5 (6.9%)	2,280
ALP	0.4 (6.9%)	9,800

HOSE Top 5 theo % giảm

SCD	-2.1 (-7.0%)	4,730
CTI	-1 (-6.9%)	960
TDW	-1.3 (-6.7%)	50
RDP	-1 (-6.3%)	5,770
CMV	-0.8 (-5.8%)	1,130

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	7,5 tỷ	89,930
FCN	6,9 tỷ	244,150
HSG	5,7 tỷ	102,610
VIC	5,5 tỷ	70,270
CTD	4,9 tỷ	73,760

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DPR	-47,2 tỷ	1,061,320
HPG	-36,4 tỷ	687,040
PVD	-24,2 tỷ	300,380
HAG	-22,9 tỷ	776,880
VCB	-9,9 tỷ	310,630

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-4,133,640	- 136.70

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường vẫn giữ được sự tích cực cần thiết, nhiều cổ phiếu đầu cơ và dòng bất động sản tăng trần tạo sự hưng phấn giúp VN-Index chinh phục đỉnh mới.
- ▶ Khối lượng giao dịch sụt giảm so với phiên cuối tuần trước và đạt 189 triệu đơn vị. Tuy nhiên đây vẫn là mức rất cao, nó cho thấy tâm lý NĐT vẫn đang khá tích cực.
- ▶ Khả năng đà điều chỉnh của VN-Index chỉ diễn ra trong phiên nếu dòng tiền vẫn tiếp tục duy trì tốt như hiện nay. Nhưng phiên tới có thể chỉ số sẽ tiếp tục mốc đỉnh mới.
- ▶ Hôm nay khối ngoại vẫn tiếp tục đà bán ròng khá mạnh với hơn 136 tỷ đồng. Nhiều khả năng đà bán ròng sẽ giảm bớt trong thời gian tới.
- ▶ Nhà đầu tư có thể nâng dần tỷ trọng cổ phiếu nếu dòng tiền vẫn tiếp tục giữ được sự hưng phấn. Tuy nhiên cần hạn chế mua đuổi.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	84.0	159,180.00	12.8	4.7	40.8%	25.9%
VNM	833.5	143.0	119,185.79	18.4	6.8	39.6%	30.7%
VCB	2,317.4	31.8	73,693.86	16.5	1.7	10.4%	1.0%
MSN	734.9	100.0	73,491.13	168.5	5.1	3.0%	1.0%
VIC	908.8	78.0	70,883.48	10.6	4.9	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	17.7	65,904.26	9.5	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	17.6	49,477.17	11.3	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	48.4	32,934.82	29.5	2.7	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.9	23,878.49	10.1	1.3	14.5%	1.4%
PVD	275.3	82.5	22,708.79	10.5	2.2	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

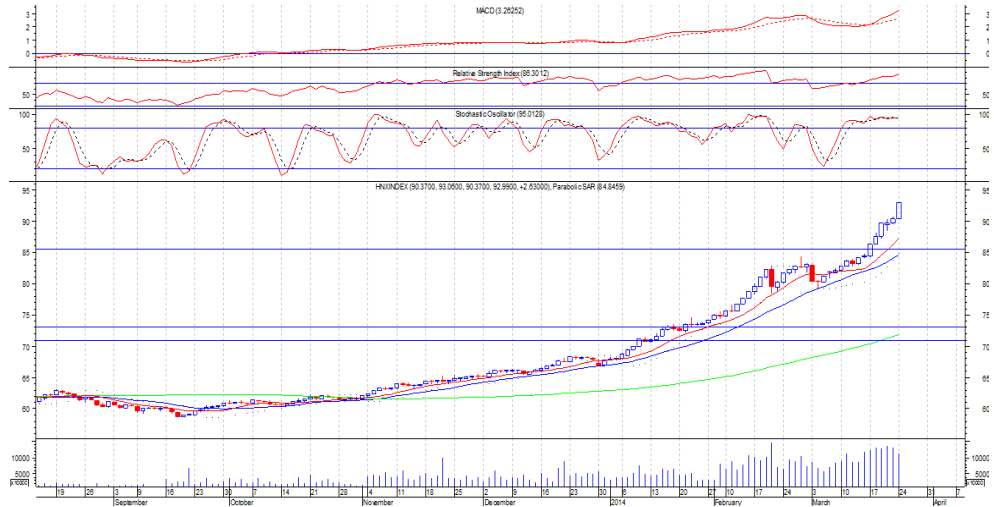
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	17.4	4,047.24	17.7	1.5	NA	TH.DOI
PPC	318.2	24.7	7,858.42	4.6	1.4	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.3	2,456.74	6.6	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	83.0	3,774.71	10.2	2.6	NA	TH.DOI
VSC	28.6	72.5	2,076.84	8.8	2.4	NA	TH.DOI
DPM	379.9	44.1	16,755.10	7.5	1.8	NA	TH.DOI

HNX 24/03/2014 HNX-Index 92.99 2.62 2.90% 115,646,559 CP 1,419.27 bil. VND

Lực cầu duy trì tốt giúp 2 sản phẩm chính phục đỉnh cao mới

Chỉ số HNX-Index tăng 2.62 điểm (+2.9%), đóng cửa tại mốc 92.99 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực và tiếp tục tạo đỉnh cao mới trong năm 2014.

- MA10, MA20 tiếp tục gia tăng mạnh. Cho thấy xu hướng ngắn hạn của HNX-Index vẫn đang khá tích cực.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator đi ngang và duy trì ở trong vùng quá mua.
- MACD tiếp tục gia tăng mạnh.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 86.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.5 (4.3%)	12,939,880
PVX	0.1 (1.4%)	11,404,090
SCR	1 (9.3%)	8,141,120
KLS	0.5 (3.5%)	5,569,820
PVS	2.3 (7.7%)	5,089,790

HNX Top 5 theo % tăng

HPC	0.7 (10.0%)	1,826,450
ICG	1 (10.0%)	682,420
L62	0.6 (10.0%)	7,000
ORS	0.5 (10.0%)	550,350
PHH	0.8 (10.0%)	1,190,800

HNX Top 5 theo % giảm

SGC	-2.8 (-9.9%)	120
QST	-1.7 (-9.7%)	700
TAG	-2.6 (-9.5%)	3,700
DNC	-1.3 (-9.1%)	2,900
INC	-0.6 (-8.3%)	1,300

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

IVS	2,1 tỷ	184,700
PVC	1,2 tỷ	59,000
NTP	1,1 tỷ	14,700
SHB	1,0 tỷ	87,400
PGS	1,0 tỷ	24,900

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-19,7 tỷ	617,400
VCG	-13,7 tỷ	788,600
BVS	-4,5 tỷ	271,500
VND	-1,4 tỷ	79,900
SD6	-1,3 tỷ	86,000

GD NDTNN KL Ròng GT Ròng (tỷ)

HNX	-1,627,412	-	34.43
-----	------------	---	-------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sàn Hà Nội vẫn tiếp tục thể hiện được sự tích cực với các mã cổ phiếu chủ chốt như PVS, SCR, SHB...tăng giá mạnh. HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất phiên.
- ▶ Khối lượng giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức khá cao, đạt 113 triệu đơn vị khớp lệnh. Điều này cho thấy tâm lý NĐT đang rất hưng phấn.
- ▶ Nhiều khả năng HNX-Index có thể tiếp tục tạo đỉnh trong những phiên sắp tới. Tuy nhiên dòng tiền sẽ vẫn tiếp tục phân hóa mạnh.
- ▶ Khối ngoại giảm lượng bán ròng trong phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ vẫn còn hiện hữu.
- ▶ NĐT có thể nâng dần tỷ trọng cổ phiếu nếu dòng tiền vẫn tiếp tục giữ được sự hưng phấn. Tuy nhiên hạn chế mua đuổi tránh rủi ro HNX-Index có thể điều chỉnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	17.5	16,126.52	19.5	1.3	6.6%	0.5%
PVS	446.7	32.1	14,339.08	8.4	1.6	21.0%	6.7%
SHB	886.1	12.1	10,721.61	13.6	1.0	7.6%	0.6%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
VCG	441.7	17.4	7,685.77	14.0	1.4	10.1%	2.1%
OCH	200.0	34.4	6,880.00	37.2	3.2	8.1%	3.6%
PVI	225.4	21.2	4,778.78	13.3	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	47.7	3,712.59	8.3	2.6	34.3%	16.1%
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.6	24.8%	16.7%
PVX	400.0	7.4	2,960.00	1.4	3.6	-115.4%	-11.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	38.2	1,451.60	8.2	1.6	NA	TH.DOI
AAA	19.8	25.7	508.86	9.1	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	17.8	1,725.47	14.0	1.4	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.6	NA	TH.DOI
LHC	2.0	67.0	134.00	3.3	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	53.0	417.37	7.6	1.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	73,491.13	15.35%	100.0	168.47	5.06	1,116,439	715,035	414,164
VIC	HOSE	908.8	70,883.48	14.46%	78.0	10.60	4.93	704,219	451,005	314,188
HPG	HOSE	419.1	22,209.78	11.74%	53.0	11.15	2.29	1,150,086	861,022	682,078
PVD	HOSE	275.3	22,708.79	8.68%	82.5	10.51	2.17	773,044	586,330	456,669
DPM	HOSE	379.9	16,755.10	8.01%	44.1	7.45	1.77	884,015	770,830	722,731
HAG	HOSE	718.2	21,257.38	7.98%	29.6	21.51	1.64	5,575,334	5,792,565	4,216,094
VCB	HOSE	2,317.4	73,693.86	6.11%	31.8	16.54	1.70	1,138,518	1,089,863	1,111,933
STB	HOSE	1,142.5	23,878.49	4.13%	20.9	10.11	1.34	1,803,734	1,654,842	876,588
BVH	HOSE	680.5	32,934.82	3.08%	48.4	29.50	2.67	772,393	568,044	524,019
ITA	HOSE	718.1	7,180.75	2.71%	10.0	131.45	0.89	13,067,971	11,408,630	9,014,525
HSG	HOSE	96.3	5,297.22	2.68%	55.0	9.71	2.33	267,065	353,736	333,074
GMD	HOSE	114.4	4,084.85	2.26%	35.7	28.86	0.90	773,194	541,839	520,552
PPC	HOSE	318.2	7,858.42	2.03%	24.7	4.58	1.39	1,691,219	1,322,395	1,367,476
VSH	HOSE	206.2	3,712.34	1.74%	18.0	17.35	1.34	1,397,360	1,022,849	1,114,166
CSM	HOSE	67.3	2,994.49	1.64%	44.5	8.24	2.44	1,113,319	876,589	839,435
KBC	HOSE	289.8	4,114.60	1.48%	14.2	57.07	0.97	1,986,273	1,756,082	1,456,317
DRC	HOSE	83.1	3,771.55	1.33%	45.4	9.69	2.64	498,118	429,573	415,826
PVT	HOSE	232.6	4,047.24	1.18%	17.4	17.69	1.48	3,682,601	3,315,380	2,701,598
DIG	HOSE	143.0	2,774.11	1.01%	19.4	57.23	1.10	846,301	857,467	932,439
OGC	HOSE	300.0	4,350.00	0.91%	14.5	38.60	1.25	5,218,338	4,153,222	2,737,925
PET	HOSE	69.8	1,592.40	0.87%	22.8	9.65	1.24	1,062,248	972,876	885,149

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	14,339.08	5.37%	32.1	8.35	1.62	4,219,100	2,971,058	2,569,259
VIC	HOSE	908.8	70,883.48	8.00%	78.0	10.60	4.93	704,219	451,005	314,188
VCB	HOSE	2,317.4	73,693.86	7.00%	31.8	16.54	1.70	1,138,518	1,089,863	1,111,933
BVH	HOSE	680.5	32,934.82	6.50%	48.4	29.50	2.67	772,393	568,044	524,019
DPM	HOSE	379.9	16,755.10	5.79%	44.1	7.45	1.77	884,015	770,830	722,731
STB	HOSE	1,142.5	23,878.49	4.26%	20.9	10.11	1.34	1,803,734	1,654,842	876,588
PVD	HOSE	275.3	22,708.79	3.22%	82.5	10.51	2.17	773,044	586,330	456,669
ITA	HOSE	718.1	7,180.75	3.73%	10.0	131.45	0.89	13,067,971	11,408,630	9,014,525
SHB	HNX	886.1	10,721.61	2.86%	12.1	13.58	1.00	15,076,018	12,906,010	8,509,020
PPC	HOSE	318.2	7,858.42	1.58%	24.7	4.58	1.39	1,691,219	1,322,395	1,367,476
OGC	HOSE	300.0	4,350.00	2.33%	14.5	38.60	1.25	5,218,338	4,153,222	2,737,925
GMD	HOSE	114.4	4,084.85	1.62%	35.7	28.86	0.90	773,194	541,839	520,552
MSN	HOSE	734.9	73,491.13	8.00%	100.0	168.47	5.06	1,116,439	715,035	414,164
HAG	HOSE	718.2	21,257.38	2.83%	29.6	21.51	1.64	5,575,334	5,792,565	4,216,094
DRC	HOSE	83.1	3,771.55	1.28%	45.4	9.69	2.64	498,118	429,573	415,826
VCG	HNX	441.7	7,685.77	3.58%	17.4	13.95	1.35	5,541,593	5,340,516	3,773,386
PVT	HOSE	232.6	4,047.24	2.05%	17.4	17.69	1.48	3,682,601	3,315,380	2,701,598

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	70,883.48	0.00%	78.0	10.60	4.93	704,219	451,005	314,188
MSN	HOSE	734.9	73,491.13	0.00%	100.0	168.47	5.06	1,116,439	715,035	414,164
DPM	HOSE	379.9	16,755.10	0.00%	44.1	7.45	1.77	884,015	770,830	722,731
HAG	HOSE	718.2	21,257.38	0.00%	29.6	21.51	1.64	5,575,334	5,792,565	4,216,094
VCB	HOSE	2,317.4	73,693.86	0.00%	31.8	16.54	1.70	1,138,518	1,089,863	1,111,933
STB	HOSE	1,142.5	23,878.49	0.00%	20.9	10.11	1.34	1,803,734	1,654,842	876,588
BVH	HOSE	680.5	32,934.82	0.00%	48.4	29.50	2.67	772,393	568,044	524,019
CTG	HOSE	3,723.4	65,904.26	0.00%	17.7	9.51	1.19	1,176,917	1,463,453	1,081,116
GAS	HOSE	1,895.0	159,180.00	0.00%	84.0	12.78	4.73	267,240	308,509	444,842

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	73,491.13	0.81%	100.0	168.47	5.06	1,116,439	715,035	414,164
VIC	HOSE	908.8	70,883.48	0.55%	78.0	10.60	4.93	704,219	451,005	314,188
DPM	HOSE	379.9	16,755.10	0.26%	44.1	7.45	1.77	884,015	770,830	722,731
VCB	HOSE	2,317.4	73,693.86	0.20%	31.8	16.54	1.70	1,138,518	1,089,863	1,111,933
STB	HOSE	1,142.5	23,878.49	0.14%	20.9	10.11	1.34	1,803,734	1,654,842	876,588
BVH	HOSE	680.5	32,934.82	0.10%	48.4	29.50	2.67	772,393	568,044	524,019

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,995	7.0	1.0	15.8%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,827	8.0	1.8	24.3%	18.0%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,991	30.0	0.8	2.2%	1.6%
Sản xuất giấy	857	9.7	0.8	10.1%	5.0%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,928	18.0	2.0	17.6%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,053	5.0	0.9	17.8%	3.9%
Khai khoáng	12,846	47.1	4.8	3.8%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,131	21.7	1.6	14.9%	8.9%
Xây dựng	35,681	- 49.3	1.4	-0.5%	1.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,477	8.3	1.2	18.4%	9.8%
Công nghiệp phức hợp	520	5.6	1.1	20.4%	14.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,810	11.2	1.0	8.8%	4.6%
Thiết bị điện	1,910	- 14.9	0.7	-2.6%	-2.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	47	26.8	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,730	9.5	1.5	21.5%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,133	- 3.8	1.1	9.3%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,041	13.3	1.6	17.2%	12.4%
Dịch vụ vận tải	5,454	10.7	1.5	15.4%	9.7%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,162	11.0	1.3	12.2%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	270	62.8	0.8	4.0%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	221	9.7	0.9	10.2%	4.3%
Chất thải & Môi trường	139	2.4	0.7	36.2%	17.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,199	24.6	1.7	17.4%	8.2%
Lốp xe	7,191	8.9	2.5	30.1%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,542	7.8	1.3	15.7%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	238	10.9	1.7	17.7%	12.7%
Đồ uống & giải khát	265	7.2	1.3	15.1%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,936	13.6	1.2	11.4%	5.5%
Thực phẩm	219,301	24.5	5.7	24.2%	18.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	70	137.9	0.9	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,514	9.6	1.1	12.4%	5.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	161	4.1	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,202	8.4	1.6	18.2%	7.2%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,129	10.5	1.8	17.2%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	735	- 5.8	1.1	-2.3%	3.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,023	23.6	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	134	3.5	1.7	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	160	10.3	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,756	13.5	3.5	26.6%	17.2%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	463	62.7	1.5	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	691	17.0	1.1	12.7%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,660	9.9	1.8	20.2%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,112	8.7	1.0	13.5%	8.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	151	6.6	2.8	52.7%	27.1%
Khách sạn	7,349	40.1	3.1	7.7%	3.5%
Dịch vụ giải trí	1,981	18.5	1.5	14.1%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,264	21.3	2.5	17.3%	15.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	58	13.6	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	633	20.8	0.8	3.6%	1.3%
Internet	266	56.1	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	20,008	12.3	2.7	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	379	12.8	0.6	4.6%	1.7%
Thiết bị văn phòng	265	5.4	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,468	14.9	0.8	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,285	7.7	1.3	18.7%	9.1%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	165,033	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Nước	1,214	6.6	1.2	18.1%	12.9%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,361	11.3	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,076	12.4	0.8	6.3%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,803	9.3	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	32,322	29.5	2.7	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,080	38.6	1.3	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	28,389	26.5	1.6	7.0%	5.1%
Ngân hàng					
Ngân hàng	273,002	12.2	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	158,601	16.3	3.1	28.4%	6.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	6	185.9	0.6	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,576	9.7	1.9	21.3%	8.1%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.